Chi tiết mã HS 6305.32.10

Mã HS	6305.32.10
Mô tả hàng hóa	Bao và túi, loại dùng để đóng gói hàng / - Từ vật liệu dệt nhân tạo: / - - Túi, bao đựng hàng loại lớn có thể gấp, mở linh hoạt: / - - - Từ vải không dệt
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 07:52:56
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/63053210/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	18	18%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K9872
Thuế NK ưu đãi (MFN)	12	12%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N9872
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q9872
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	8.4	8,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9406
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9357
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9357
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9357
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9357
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9357
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9357
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9409
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9409

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9409
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9409
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9409
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9409
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9410
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9410
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9410
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9410
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9410
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9410
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9411
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9363
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9369
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9369
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9369
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9369
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9369
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9369
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9394
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9394
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9394
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9394
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9394
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9394
VCFTA	2022	2022	2	VC!D9440
VCFTA	2023	2023	1	VC!E9440

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9440
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9440
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9440
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9440
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9419
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9419
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9419
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9419
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9419
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9419
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D9432
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E9432
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F9432
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G9432
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H9432
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9432
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D9442
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E9442
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F9442
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9442
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9442
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9442
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D9441
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E9441
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F9441
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9441

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9441
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9441
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9388
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9388
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9388
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9388
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9388
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9388
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9388
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9426
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9426
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9426
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9426
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9426
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9426
RCEP B	2022	2022	0	B!D9426
RCEP B	2023	2023	0	B!E9426
RCEP B	2024	2024	0	B!F9426
RCEP B	2025	2025	0	B!G9426
RCEP B	2026	2026	0	B!H9426
RCEP B	2027	2027	0	B!I9426
RCEP C	2022	2022	0	C!D9426
RCEP C	2023	2023	0	C!E9426
RCEP C	2024	2024	0	C!F9426
RCEP C	2025	2025	0	C!G9426
RCEP C	2026	2026	0	C!H9426

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I9426
RCEP D	2022	2022	0	D!D9425
RCEP D	2023	2023	0	D!E9425
RCEP D	2024	2024	0	D!F9425
RCEP D	2025	2025	0	D!G9425
RCEP D	2026	2026	0	D!H9425
RCEP D	2027	2027	0	D!I9425
RCEP E	2022	2022	0	E!D9429
RCEP E	2023	2023	0	E!E9429
RCEP E	2024	2024	0	E!F9429
RCEP E	2025	2025	0	E!G9429
RCEP E	2026	2026	0	E!H9429
RCEP E	2027	2027	0	E!I9429
RCEP F	2022	2022	0	F!D9426
RCEP F	2023	2023	0	F!E9426
RCEP F	2024	2024	0	F!F9426
RCEP F	2025	2025	0	F!G9426
RCEP F	2026	2026	0	F!H9426
RCEP F	2027	2027	0	F!I9426
VIFTA	2024	2024	10.8	VI!F8724
VIFTA	2025	2025	9.6	VI!G8724
VIFTA	2026	2026	8.4	VI!H8724
VIFTA	2027	2027	7.2	VI!I8724

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 6305.32 có 3 dòng thuế; dòng 6305.32.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Từ vải không dệt.	6305.32.20 Dệt kim hoặc móc; 6305.32.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6305.32.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 12% của mã 6305.32.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N9872), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.